

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/DS-ST
Ngày 25-6-2021
V/v: “Đòi lại tài sản là tiền”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải
2. Ông Nguyễn Nhật Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh B xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc “Đòi lại tài sản là tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2021, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 01/2021/QĐTĐTT ngày 24 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1943;

Địa chỉ: Số 9 Đào Duy Từ, phường TT, thành phố V, tỉnh B, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Quang H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 780/14D, Bình Giã, phường 11, thành phố V, tỉnh B, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trịnh Khắc T, sinh năm 1940;

Địa chỉ: Số 9 Đào Duy Từ, phường TT, thành phố V, tỉnh B, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1966, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Ông Trịnh Hoàng L, sinh năm 1968, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt
Cùng địa chỉ: Số 10/8A Lạc Long Quân, phường 2, thành phố V, tỉnh B.

4. *Người làm chứng:* Ông Thân Mạnh H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số 8/14 Ngô Tất Tố, phường 9, thành phố V, tỉnh B, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-03-2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 25-9-2019, bà Hoàng Thị D cùng con dâu là bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đỗ Quang H có lập 1 “*Biên bản thỏa thuận về việc giải quyết vụ án*” để cho ông H làm tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp trong vụ án “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn ông Vũ Văn H, bà Phạm Thị Ngọc Thu Th với bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị D.

Về nội dung yêu cầu ông H thực hiện: Được Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Vũ Văn H, bà Phạm Thị Ngọc Thu Th và bà Nguyễn Thị Thu H; Liên hệ với cơ quan Nhà nước để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định cho bà H; Phối hợp các ngành chức năng tổ chức cưỡng chế bàn giao đất tại thực địa mà quyết định, bản án đã xét xử.

Về thù lao: Tổng chi phí 1.800.000.000đ (một tỷ tám trăm triệu đồng) được chia theo từng đợt, sau khi ký biên bản thỏa thuận ông H được ứng trước 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm tạm ứng 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Số tiền còn lại sẽ được nhận khi bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được bàn giao đất trên thực địa. Nếu bà H không thanh toán thì bà D có nghĩa vụ thanh toán thay cho bà H.

Về cam kết thực hiện: Nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà H thì ông H phải hoàn lại toàn bộ số tiền đã tạm ứng cho bà H. Việc thỏa thuận có sự chứng kiến và ký tên của ông Thân Mạnh H. Do bà H không có tiền tạm ứng nên bà D đã giao 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) cho ông H nhận có lập 1 giấy nhận tiền được ông H ký tên.

Tuy nhiên, do bà H thua kiện nên ngày 18-01-2020 bà D, ông Thân Mạnh H, ông Trịnh Hoàng L (chồng bà H) đã thống nhất hủy Biên bản thỏa thuận, ông H cam kết trả lại số tiền đã nhận cho bà D theo 2 đợt, ngày 21-01-2020 trả 200.000.000 đồng, ngày 10-02-2020 trả 300.000.000 đồng. Nếu không thực hiện ông H được coi là lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Thế nhưng quá thời hạn trên ông H không trả, bà D có liên hệ nhiều lần qua điện thoại nhưng ông H không nghe máy, đến nhà thì không gặp. Đến ngày 02-9-2020 ông H có lập 1 giấy nhận nợ 500.000.000đ

(năm trăm triệu đồng) cam kết ngày 30-9-2020 trả 200.000.000 đồng, số tiền còn lại trả trong năm 2020. Tuy nhiên cho đến thời điểm này ông H vẫn không thanh toán.

Nay bà Hoàng Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên: Buộc ông Đỗ Quang H phải trả cho bà Hoàng Thị D số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với bị đơn ông Đỗ Quang H:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập ông Đỗ Quang H đến Tòa án để làm việc nhưng ông H vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến về nội dung vụ án.

Theo bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Khắc T trình bày:

Ông T là chồng bà D, nội dung vụ việc hoàn toàn do bà Hoàng Thị D thực hiện, ông T không nắm được .

Theo bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trịnh Hoàng L trình bày:

Ông L là con trai của bà D, còn bà H và ông L là vợ chồng. Việc lập “*Biên bản thỏa thuận về việc giải quyết vụ án*” với ông H là đúng. Do bà H, ông L không có tiền tạm ứng cho ông H nên bà D ứng ra 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) để giao cho ông H.

Do Tòa án không công nhận hợp đồng cho bà H nên ngày 18-01-2020 bà D, ông Thân Mạnh H, bà H, ông L đã thống nhất hủy “*Biên bản thỏa thuận*”. Ông H cam kết trả lại số tiền đã nhận cho bà D theo 2 đợt, ngày 21-01-2020 trả 200.000.000 đồng, ngày 10-02-2020 trả 300.000.000 đồng nhưng đến nay ông H không thanh toán.

Bà H, ông L đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D. Số tiền bà D giao cho ông H là tiền của bà D, bà H và ông L không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này.

Theo bản khai, người làm chứng ông Thân Mạnh H trình bày:

Vào ngày 25-11-2019, ông Thân Mạnh H xác nhận có làm chứng việc thỏa thuận “*giải quyết vụ án*” giữa bên tham gia gồm có bà Nguyễn Thị Thu H, bà Hoàng Thị D (Bên A) và ông Đỗ Quang H (Bên B) nhưng không nhận hoa hồng hay thù lao trong việc trên, việc giao tiền giữa các bên đã được xác nhận và ký tên tại biên bản thỏa thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật theo Điều 70, 71 Bộ luật TTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, 229 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng là phù hợp pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lại số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị D khởi kiện buộc bị đơn trả lại số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Đòi lại tài sản là tiền” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố V nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh B.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Qua xác minh, bị đơn ông H hiện đang sinh sống tại số 780/14D, Bình Giã, phường 11, thành phố V, tỉnh B nhưng cố tình vắng mặt nên việc Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ, đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với ông Trịnh Khắc T, bà ông Thân Mạnh H vắng mặt nhưng có bản khai và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về nội dung:

Vào ngày 25-9-2019, bà D, bà H có ký kết “*Biên bản thỏa thuận về việc giải quyết vụ án*” với Luật sư ông Đỗ Quang H được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn ông Vũ Văn H, bà Phạm Thị Ngọc Thu Th và bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị D, ông Thân Mạnh H. Số tiền thù lao là 1.800.000.000đ (một tỷ tám trăm triệu đồng), Biên bản lập bằng giấy tay có bà D, bà H, ông Thân Mạnh H và ông H cùng ký tên. Mặc dù đây chỉ là biên bản thỏa thuận nhưng vẫn bản có nội dung, hình thức là một hợp đồng dịch vụ, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý ràng buộc về quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo quy định tại các Điều 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo văn bản thỏa thuận chủ yếu giữa bà H và ông H, nhưng bà H không có tiền nên bà D đã giao 500.000.000đ tiền mặt cho ông H nhận. Do không thu thập được lời khai của ông H nên căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp trong đó có 1 giấy nhận tiền lập ngày 25-11-2019 thể hiện bà D có giao cho ông H nhận số tiền tạm ứng phiên tòa sơ thẩm 500.000.000đ là đúng sự thật và phù hợp với lời khai của bà H, ông L và ông Thân Mạnh H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2019/DSST ngày 29-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu tuyên xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà H, do công việc không thành nên ngày 18-01-2020 bà D, bà H, ông L đã thống nhất hủy “Biên bản thỏa thuận”. Ông H cam kết trả lại số tiền đã nhận cho bà D theo 2 đợt, ngày 21-01-2020 trả 200.000.000 đồng, ngày 10-02-2020 trả 300.000.000 đồng nhưng ông H không trả. Tiếp đến ngày 02-9-2020 ông H có lập thêm 1 “giấy nhận nợ” có nợ bà D số tiền 500.000.000 đồng cam kết ngày 30-9-2020 trả 200.000.000 đồng, số tiền còn lại trả trong năm 2020. Tuy nhiên ông H không thực hiện việc chi trả tiền và cố tình lẩn tránh bà D.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cho ông H, đồng thời vào ngày 04-5-2021 tại trụ sở Tòa án ông H đã ký nhận thông báo họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên ông H không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án cũng không phản đối chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xem như mặc nhiên từ bỏ các quyền và nghĩa vụ chứng minh theo Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định bà D có giao số tiền 500.000.000đ cho ông H theo giấy nhận tiền lập ngày 25-11-2019 và giấy nhận nợ lập ngày 02-9-2020 nên bà D yêu cầu ông H trả số tiền 500.000.000đ là có căn cứ cần chấp nhận.

Về thời hạn thanh toán: Để đảm bảo quyền lợi của bà D, Hội đồng xét xử buộc ông H thanh toán ngay 1 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Khắc T, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trịnh Hoàng L không có đơn yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông H phải chịu tiền án dân sự sơ thẩm có giá ngạch dựa trên số tiền 500.000.000 đồng là 24.000.000 đồng. Nguyên đơn bà D là người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 229 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị D về việc đòi tài sản là tiền đối với ông Đỗ Quang H.

Buộc ông Đỗ Quang H phải trả cho bà Hoàng Thị D số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

Về thời hạn thanh toán trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Quang H phải nộp số tiền 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng). Nguyên đơn bà Hoàng Thị D là người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 25-6-2021. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THA DS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Yến Oanh

